

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT

Mã ngành đào tạo: 73 80 101

HÀ NỘI – 2025

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Luật – Chương trình đào tạo chất lượng cao
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Laws – High Quality Training Program
- Tên Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật
- Mã ngành đào tạo: 7380101
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Phương thức tổ chức đào tạo: Tín chỉ
- Hình thức dạy và học: Trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Số tín chỉ: 129 tín chỉ (*không bao gồm học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và học phần Giáo dục thể chất*)
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh Chương trình đào tạo: Tháng 6/2025

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật (sau đây viết tắt là CTĐT CLC) là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước và xã hội, góp phần thực hiện thành công công cuộc xây dựng và bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công lý, công bằng và tiến bộ xã hội và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực sau đây:

- **PO1:** Có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, chuyên sâu, vững chắc về các ngành luật trong hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế, hiểu được kiến thức cơ bản của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hoá, lịch sử, quản lý, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật.

- **PO2:** Sử dụng được thành thạo tin học ở mức độ nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Standard) và tiếng Anh giao tiếp, tiếng Anh pháp lý chuyên ngành để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, học tập và công việc chuyên môn với đối tác nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật.

- **PO3:** Đạt được kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng toàn diện trong thực hành nghề luật và các kỹ năng khác để có đủ khả năng làm việc tốt trong môi trường trong nước, thích ứng với môi trường làm việc quốc tế, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề tương đối phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học, thực tiễn pháp lý diễn ra trong cuộc sống và công việc một cách kịp thời và đúng pháp luật.

- **PO4:** Có sức khỏe, trung trực, thẳng thắn, cầu thị, trung thành với Tổ quốc, bảo vệ công lý, sẵn sàng cống hiến trí lực phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân, tự tin và hào hứng tiếp nhận kiến thức mới.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu vào của Chương trình đào tạo

Người học đăng ký xét tuyển vào Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

a) Về trình độ học vấn:

Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Về năng lực và phẩm chất:

- Đáp ứng các tiêu chí và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo các phương thức tuyển sinh được Trường Đại học Luật Hà Nội công bố hàng năm, phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học;

- Các phương thức xét tuyển đảm bảo đánh giá được, bao gồm nhưng không giới hạn, kiến thức Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của thí sinh.

c) Các yêu cầu khác:

Các điều kiện cụ thể về đối tượng, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, tiêu chí phụ (nếu có), quy trình và hồ sơ đăng ký xét tuyển được quy định chi tiết trong Thông báo tuyển sinh đại học chính quy hàng năm của Trường Đại học Luật Hà Nội.

3.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

a) Về kiến thức (Knowledge):

PLO1	Nhận biết được kiến thức nền tảng về văn hoá, chính trị, lịch sử, kinh tế, khoa học tâm lý, quản lý.
PLO2	Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn vững chắc về các lĩnh vực pháp luật bao gồm: kiến thức về nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp, quyền con người, luật hành chính và tổ tụng hành chính, luật hình sự và tổ tụng hình sự, luật dân sự và tổ tụng dân sự, luật kinh tế, luật thương mại quốc tế, công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế; Áp dụng được kiến thức từ vựng Tiếng Anh pháp lý chuyên ngành trong nghiên cứu các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh và tham gia các hoạt động chuyên môn với các đối tác nước ngoài.
PLO3	Áp dụng được kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử và truyền thống dân tộc để phân tích và đánh giá sự tác động của những yếu tố này đến quá trình xây dựng, thi hành và phát triển hệ thống pháp luật

b) Về kỹ năng (Skills):

PLO4	Có kỹ năng tìm kiếm, phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách chuẩn xác các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc.
PLO5	Có kỹ năng thực hành nghề luật bao gồm: tư duy phản biện, phê phán, kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý tương đối phức tạp, các tình huống thực tiễn một cách kịp thời, đúng pháp luật, soạn thảo một cách thành thạo

	các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho công việc, giao tiếp, trình bày bằng lời nói một cách hiệu quả các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý.
PLO6	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong lĩnh vực pháp luật; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc hoặc nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm; kỹ năng thương lượng, đàm phán với các đối tác.
PLO7	Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp (tối thiểu đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương).
PLO8	Sử dụng hiệu quả tiếng Anh pháp lý để nghiên cứu, học tập, làm việc với đối tác nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật.
PLO9	Thực hiện thành thạo kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức nâng cao (gồm đủ 9 mô đun theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); khai thác hiệu quả thông tin qua môi trường mạng, sử dụng thành thạo các phần mềm tin học tra cứu tài liệu nghiên cứu nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; kiến thức tin học ở mức độ nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế IC3 (Digital Literacy Certification) phục vụ cho công việc chuyên môn.

c) Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility):

PLO10	Tôn trọng tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn; tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng.
PLO11	Tổ chức làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, có khả năng thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
PLO12	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ xác định.
PLO13	Tự định hướng, có thái độ khách quan, trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị khi đưa ra kết luận chuyên môn, có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân trong môi trường hành nghề liên quan đến pháp luật.
PLO14	Tôn trọng trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp: có ý thức, nhận thức và tham gia các hoạt động của cộng đồng, trách nhiệm về hành động và vai trò của bản thân; tôn trọng sự khác biệt và cách thức vận hành của thế giới theo hướng công bằng, phát triển bền vững.
PLO15	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá, giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực pháp luật

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
2.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 17 tín chỉ									
18	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010692	BB	4	26	14	10	10	
19	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	BB	2	12	8	5	5	
20	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010693	BB	2	12	8	5	5	
21	Legal reasoning and writing skills (Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật)	000360	BB	2	12	8	5	5	
22	Luật hiến pháp Việt Nam	010154	BB	4	26	14	10	10	
23	Luật dân sự 1	010161	BB	3	18	12	8	7	010692
2.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 02 tín chỉ									
24	Comparative Law (Luật học so sánh)	000292	TC	2	18	12	8	7	
25	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	010223	TC	2	12	8	5	5	
26	Presentation skills for lawyer in adversarial context (Kỹ năng tranh tụng của nghề luật)	010240	TC	2	12	8	5	5	
27	Hệ thống hóa văn bản pháp luật	010237	TC	2	12	8	5	5	
3. THÀNH PHẦN CỐT LÕI NGÀNH: Các học phần thuộc Thành phần cốt lõi ngành gồm 80 tín chỉ, trong đó có 58 tín chỉ các học phần bắt buộc, 22 tín chỉ các học phần tự chọn.									
3.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 58 tín chỉ									
28	Xây dựng văn bản pháp luật	010155	BB	2	12	8	5	5	
29	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010694	BB	4	26	14	10	10	010692 010154
30	Luật hình sự 1	010157	BB	3	18	12	8	7	010692
31	Criminal Law module 2 (Luật hình sự 2)	010673	BB	2	12	8	5	5	010157

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
32	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	BB	2	12	8	5	5	010157
33	Luật tố tụng hình sự	010159	BB	3	18	12	8	7	010157
34	Luật dân sự 2	010162	BB	2	12	8	5	5	010161
35	Luật sở hữu trí tuệ	010695	BB	2	12	8	5	5	010161
36	Luật hôn nhân và gia đình	010418	BB	3	18	12	8	7	010161
37	Luật tố tụng dân sự	000285	BB	3	18	12	8	7	010162
38	Luật thương mại 1	010166	BB	3	18	12	8	7	010161
39	Luật thương mại 2	010167	BB	2	12	8	5	5	010166
40	Luật lao động	000287	BB	3	18	12	8	7	010162
41	Luật tài chính	000288	BB	3	18	12	8	7	010692
42	Luật đất đai	000289	BB	3	18	12	8	7	010694 010162
43	Public International Law (<i>Công pháp quốc tế</i>)	010171	BB	4	26	14	10	10	010692 010154
44	Tư pháp quốc tế	010172	BB	4	26	14	10	10	
45	ASEAN Community Law (<i>Pháp luật cộng đồng ASEAN</i>)	010173	BB	2	12	8	5	5	010171
46	International Trade & Business Law (<i>Luật Thương mại quốc tế</i>)	010174	BB	3	18	12	8	7	010167
47	Cases Studies and Analysis (<i>Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ</i>)	010241	BB	2	12	8	5	5	
48	Kiểm tập	010625	BB	3	18	12	8	7	
3.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 22 tín chỉ (bao gồm khóa luận tốt nghiệp tương đương 5 tín chỉ hoặc các học phần tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp). Yêu cầu sinh viên chọn 17/22 tín chỉ giảng dạy bằng tiếng Anh.									
3.2.1. Kiến thức về pháp luật hiến pháp và hành chính									
49	Tổ chức và hoạt động của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân	010176	TC	2	12	8	5	5	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
65	Law on Security Devices (<i>Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ</i>)	010190	TC	2	12	8	5	5	010162
66	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu	010191	TC	2	12	8	5	5	010162
67	Luật La Mã	010192	TC	2	12	8	5	5	
68	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	010193	TC	2	12	8	5	5	000285
69	Luật thi hành án dân sự	010194	TC	3	18	12	8	7	000285
70	Luật nhà ở	010195	TC	2	12	8	5	5	010162
71	Comparative Contract Law (<i>Luật hợp đồng so sánh</i>)	010196	TC	2	12	8	5	5	
72	Pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	010197	TC	3	18	12	8	7	010162
73	Pháp luật về quyền nhân thân	010198	TC	2	12	8	5	5	010162
74	Fundamental Civil Rights in the Modern World (<i>Quyền dân sự cơ bản của người dân trong thế giới hiện đại</i>)	010181	TC	2	12	8	5	5	010162
75	Giới, bình đẳng giới trong chính sách và pháp luật	010599	TC	2	12	8	5	5	
3.2.4. Kiến thức về pháp luật kinh tế									
76	Luật đầu tư	010199	TC	2	12	8	5	5	010166
77	Luật an sinh xã hội	010200	TC	2	12	8	5	5	010154
78	Luật ngân hàng	010201	TC	3	18	12	8	7	010692
79	Luật chứng khoán	010202	TC	2	12	8	5	5	010692
80	Luật kinh doanh bảo hiểm	010203	TC	2	12	8	5	5	010692

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
81	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010204	TC	2	12	8	5	5	
82	Luật môi trường	010205	TC	3	18	12	8	7	
83	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	010206	TC	2	12	8	5	5	000289
84	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010207	TC	2	12	8	5	5	000289
85	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	010208	TC	2	12	8	5	5	010692
3.2.5. Kiến thức về pháp luật quốc tế và thương mại quốc tế									
86	International Law of the Sea (Luật biển quốc tế)	010209	TC	3	18	12	8	7	010171
87	Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người	010210	TC	3	18	12	8	7	010171
88	Pháp luật về điều ước quốc tế	010211	TC	2	12	8	5	5	010171
89	Pháp luật về đấu thầu	010212	TC	2	12	8	5	5	
90	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	010213	TC	2	12	8	5	5	
91	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	010214	TC	2	12	8	5	5	
92	Law on Commercial Arbitration (Pháp luật về trọng tài thương mại)	010215	TC	3	18	12	8	7	
93	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	010216	TC	2	12	8	5	5	
94	Pháp luật liên minh châu Âu	010217	TC	3	18	12	8	7	
95	WTO Law (Luật WTO)	010218	TC	3	18	12	8	7	010174

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
96	International Investment Law (Luật đầu tư quốc tế)	010219	TC	3	18	12	8	7	010171
97	Law on International Franchising (Luật nhượng quyền thương mại quốc tế)	010220	TC	2	12	8	5	5	
98	Law on International Commercial Alternative Dispute Resolution (Pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế trong thương mại quốc tế)	010221	TC	2	12	8	5	5	
99	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	010222	TC	2	12	8	5	5	
100	Các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	010696	TC	3	18	12	8	7	010692
3.2.6. Các học phần kỹ năng									
101	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	010224	TC	2	12	8	5	5	
102	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	010225	TC	2	12	8	5	5	010673
103	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	010226	TC	2	12	8	5	5	010162
104	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	010227	TC	2	12	8	5	5	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
105	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	010228	TC	2	12	8	5	5	010695
106	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010229	TC	2	12	8	5	5	010167
107	Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010488	TC	3	18	12	8	7	
108	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	010489	TC	3	18	12	8	7	000289
109	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	010232	TC	2	12	8	5	5	000288
110	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	010233	TC	2	12	8	5	5	
111	Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tố tụng hình sự	010234	TC	3	18	12	8	7	010159
112	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	010235	TC	3	18	12	8	7	000285
113	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	010236	TC	2	12	8	5	5	
114	Moot Court Competition in International Trade and Business Law (Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực thương mại quốc tế)	010243	TC	2	12	8	5	5	010174
115	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng	010601	TC	3	12	8	5	5	010162

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
116	Khoá luận tốt nghiệp ¹	010630	TC	5	0	0	0	225	
Sinh viên được chọn viết Khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần tự chọn thuộc thành phần cốt lõi ngành thay thế kkhoá luận tốt nghiệp: Khoá luận tốt nghiệp có khối lượng 05 tín chỉ, do người học thực hiện và được đánh giá bằng hình thức chấm/thuyết trình theo kế hoạch. Kết quả khoá luận tốt nghiệp được thể hiện trong bảng điểm các học phần của khóa học.									
4. THÀNH PHẦN THỰC TẬP, TRẢI NGHIỆM: Gồm 09 tín chỉ, trong đó có 07 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn									
4.1. Thực tập, trải nghiệm tự chọn: 2 tín chỉ									
117	Thực tập 1	010634	TC	2	2	12	8	5	
118	Phiên tòa giả định	010639	TC	2	2	12	8	5	
119	Thực hành hòa giải, đàm phán	010643	TC	2	2	12	8	5	
4.2. Thực tập, trải nghiệm bắt buộc: 7 tín chỉ									
120	Thực tập 2	010646	BB	5					
121	Trải nghiệm	010647	BB	2	2	12	8	5	

5. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên theo học CTĐT CLC ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội được Trường xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân ngành Luật - Chương trình đào tạo chất lượng cao khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, đáp ứng Chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

¹ Thực hiện vào năm học thứ 4 của khóa học

6. TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO²: 129 tín chỉ (Tối đa 8 học kỳ)

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã học phần	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
HK1 19 TC	Triết học Mác - Lênin	010132	1	3	BB		
	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010693	1,2,3	2	BB		
	Phương pháp điều tra xã hội học	010142	1,2,3	1	BB		
	Tin học nâng cao	010672	1,2,3	2	BB		
	Tiếng Anh nâng cao	010138	1	3	BB		
	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010692	1	4	BB		
	Luật hiến pháp Việt Nam	010154	1	4	BB		
HK2 18 TC	Giáo dục thể chất			3	BB		Không tính vào tổng TC
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	010133	1,2,3	2	BB	010132	
	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB		
	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010694	1	4	BB	010692 010154	
	Luật hình sự 1	010157	1	3	BB	010692	
	Luật dân sự 1	010161	1	3	BB	010692	
	Các học phần tự chọn: 04 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương						
	Kinh tế vĩ mô	010143	1,2,3	2	TC		
	Quan hệ kinh tế quốc tế	010144	1,2,3	2	TC		
	Lịch sử văn minh thế giới	010145	1,2,3	2	TC		
	Đại cương văn hóa Việt Nam	010146	1,2,3	2	TC		
	Tâm lý học đại cương	010147	1,2,3	2	TC		
	Logic học	010148	1,2,3	2	TC		
	Xã hội học pháp luật	010149	1,2,3	2	TC		
	Kinh tế học pháp luật	010150	1,2,3	2	TC		
	Tiếng Anh pháp lý nâng cao	010151	1,2,3	2	TC		

² Tùy thuộc vào điều kiện thực tế, Hiệu trưởng có thể xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến trình đào tạo so với tiến trình đã được quy định trong Chương trình đào tạo.

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã học phần	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
HK3 18 TC	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010134	1,2,3	2	BB	010133	
	Legal reasoning and writing skills (Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật)	000360	1,2,3	2	BB		
	Luật thương mại 1	010166	1	3	BB	010161	
	Criminal Law Module 2 (Luật hình sự 2)	010673	1,2,3	2	BB	010157	
	Luật dân sự 2	010162	1,2,3	2	BB	010161	
	Luật hôn nhân và gia đình	010418	1	3	BB	010161	
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	000824	1,2,3	2	BB	010134	
	Các học phần tự chọn: 02 tín chỉ tự chọn thuộc thành phần cơ sở ngành						
	Comparative Law (Luật học so sánh)	000292	1,2,3	2	TC		
	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	010223	1,2,3	2	TC		
	Presentation skills for lawyer in adversarial context (Kỹ năng tranh tụng của nghề luật)	010240	1,2,3	2	TC		
	Hệ thống hóa văn bản pháp luật	010237	1,2,3	2	TC		
HK4 18 TC	Giáo dục Quốc phòng-An ninh			8	BB		Không tính vào tổng TC
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	000259	1,2,3	2	BB	010134	
	Luật tố tụng hình sự	010159	1	3	BB	010635	
	Luật đất đai	010170	1	3	BB	010162	
	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1,2,3	2	BB	010157	
	Luật thương mại 2	010167	1,2,3	2	BB	010166	
	Luật tài chính	000288	1	3	BB	010692	
	Luật lao động	000287	1	3	BB	010162	
HK5	Kiến tập	010625	1	3	BB		

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã học phần	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
18 TC	Xây dựng văn bản pháp luật	010155	1,2,3	2	BB		
	Luật sở hữu trí tuệ	010695	1,2,3	2	BB	010161	
	Luật tố tụng dân sự	000285	1	3	BB	010162	
	Tư pháp quốc tế	010172	1	4	BB		
	Trải nghiệm	010647	1,2,3	2	BB		
	Thực tập, trải nghiệm tự chọn (chọn 2 tín chỉ)						
	Thực tập 1	010609		2	TC		
	Phiên tòa giả định	010610		2	TC		
	Thực hành hòa giải, đàm phán	010612		2	TC		
HK6 17 TC	Public International Law (Công pháp quốc tế)	010171	1	4	BB	010692 010154	
	International Trade and Business Law (Luật thương mại quốc tế)	010174	1	3	BB	010167	
	Cases Studies and Analysis (Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ)	010241	1,2,3	2	BB		
	Các học phần tự chọn: 08 tín chỉ tự chọn thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau:						
	Kiến thức về pháp luật hiến pháp và hành chính						
	Comparative Constitutional law (Luật hiến pháp so sánh)	010177	1,2,3	2	TC		
	Kiến thức về pháp luật dân sự						
	Law on Security Devices (Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ)	010190	1,2,3	2	TC	010162	
	Comparative Contract Law (Luật hợp đồng so sánh)	010196	1,2,3	2	TC		
	Kiến thức về pháp luật hình sự						
	International Criminal Law (Luật hình sự quốc tế)	010182	1,2,3	2	TC	010673	

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã học phần	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
	Kiến thức về pháp luật quốc tế và thương mại quốc tế						
	Law on Commercial Arbitration (Pháp luật về trọng tài thương mại)	010215	1,2,3	3	TC		
	Law on International Franchising (Luật nhượng quyền thương mại QT)	010220	1,2,3	2	TC		
	Law on International Commercial Alternative Dispute Resolution (Pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế trong thương mại quốc tế)	010221	1,2,3	2	TC		
HK7 16 TC	Thực tập 2	010646		5	BB		
	ASEAN Community Law (Pháp luật cộng đồng ASEAN)	010173	1,2,3	2	BB	010171	
	Các học phần tự chọn: 09 tín chỉ tự chọn thuộc thành phần cốt lõi ngành trong các học phần sau						
	Kiến thức về pháp luật dân sự						
	Fundamental Civil Rights in the Modern World (Quyền dân sự cơ bản của người dân trong thế giới hiện đại)	010181	1,2,3	2	TC	010162	
	Kiến thức về pháp luật hình sự						
	Justice for minors (Tur pháp đối với người chưa thành niên)	010189	1,2,3	2	TC	010692	
	Criminal Organizations - Mafia (Tổ chức Tội phạm Mafia)	010598	1,2,3	2	TC	010673	
	Kiến thức về pháp luật quốc tế và thương mại quốc tế						
	International Law of the Sea (Luật biển quốc tế)	010209	1,2,3	3	TC	010171	
	WTO Law (Luật WTO)	010218	1,2,3	3	TC	010174	

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã học phần	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
	International Investment Law (Luật đầu tư quốc tế)	010219	1,2,3	3	TC	010171	
	Moot Court Competition in International Trade and Business Law (Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực thương mại quốc tế)	010243	1,2,3	2	TC	010174	
HK8 05 TC	Viết Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường. Sinh viên không đủ điều kiện hoặc không có nguyện vọng viết khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các học phần thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành tương đương 5 tín chỉ.						
	Kiến thức về pháp luật hiến pháp và hành chính						
	Tổ chức và hoạt động của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân	010176	1,2,3	2	TC		
	Luật tổ tụng hành chính	010178	1,2,3	2	TC		
	Luật sư, công chứng, chứng thực	010179	1,2,3	2	TC		
	Thanh tra, khiếu tố	010180	1,2,3	2	TC		
	Kiểm tra và xử lý văn bản pháp luật	010606	1,2,3	2	TC		
	Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	010238	1,2,3	2	TC		
	Kiến thức về pháp luật dân sự						
	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu	010191	1,2,3	2	TC	010162	
	Luật La Mã	010192	1,2,3	2	TC		
	Luật nhà ở	010195	1,2,3	2	TC	010162	
	Pháp luật về quyền nhân thân	010198	1,2,3	2	TC	010162	
	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	010193	1,2,3	2	TC	000285	
	Luật thi hành án dân sự	010194	1,2,3	3	TC	000285	

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã học phần	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
	Pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	010197	1,2,3	3	TC	010162	
	Giới, bình đẳng giới trong chính sách và pháp luật	010599	1,2,3	2	TC	010162	
Kiến thức về pháp luật hình sự							
	Khoa học điều tra tội phạm	010183	1,2,3	2	TC		
	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	010184	1,2,3	2	TC		
	Tâm lý học tư pháp	010185	1,2,3	2	TC		
	Tâm lý học tội phạm	010186	1,2,3	2	TC		
	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	010187	1,2,3	2	TC		
	Luật thi hành án hình sự	010188	1,2,3	2	TC		
Kiến thức về pháp luật kinh tế							
	Luật đầu tư	010199	1,2,3	2	TC		
	Luật an sinh xã hội	010200	1,2,3	2	TC	010154	
	Luật ngân hàng	010201	1,2,3	3	TC	010692	
	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010204	1,2,3	2	TC		
	Luật môi trường	010205	1,2,3	3	TC		
	Luật chứng khoán	010202	1,2,3	2	TC	010692	
	Luật kinh doanh bảo hiểm	010203	1,2,3	2	TC	010692	
	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	010206	1,2,3	2	TC	000289	
	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010207	1,2,3	2	TC	000289	
	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	010208	1,2,3	2	TC	010692	
Kiến thức về pháp luật quốc tế và thương mại quốc tế							
	Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người	010210	1,2,3	3	TC	010171	

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã học phần	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
	Pháp luật về điều ước quốc tế	010211	1,2,3	2	TC	010171	
	Pháp luật về đấu thầu	010212	1,2,3	2	TC		
	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	010213	1,2,3	2	TC		
	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	010214	1,2,3	2	TC		
	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	010216	1,2,3	2	TC		
	Pháp luật liên minh châu Âu	010217	1,2,3	3	TC		
	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	010222	1,2,3	2	TC		
	Các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	010696	1,2,3	3	TC	010692	
	Các học phần kỹ năng						
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	010224	1,2,3	2	TC		
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	010225	1,2,3	2	TC	010673	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	010226	1,2,3	2	TC	010162	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	010227	1,2,3	2	TC		
	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	010228	1,2,3	2	TC	010695	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010229	1,2,3	2	TC		
	Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010488	1,2,3	3	TC		
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	010489	1,2,3	3	TC	000289	

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã học phần	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	010232	1,2,3	2	TC	000288	
	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	010233	1,2,3	2	TC		
	Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tổ tụng hình sự	010234	1,2,3	3	TC		
	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	010235	1,2,3	3	TC	000285	
	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	010236	1,2,3	2	TC		
	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng	010601	1,2,3	3	TC	010162	